TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỘI AN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2024.
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1) Ông Nguyễn Như Thương.
2) Bà Huỳnh Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ba, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa*:** Bà Phùng Thị Bông, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:164/2023/ TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc:*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1991. *(Có mặt)*
Địa chỉ: Tổ 8, khối 4, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Nguyễn Đăng H, sinh năm 1993. *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: 35 L, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2023, bản trình bày ý kiến ngày 14/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Lê Thị Hồng T trình bày:

Bà và ông Đỗ Nguyễn Đăng H quen biết nhau được hai năm thì tiến tới với nhau, kết hôn vào ngày 23/01/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của cả hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà chồng.

Đến tháng 8 năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Bà T về nhà cha mẹ ở T, hai vợ chồng không còn chung sống từ đó cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông H ham chơi, dùng chất kích thích, không

lo làm ăn. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được,bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Nguyễn Đăng H.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 *(Một)* con chung tên Đỗ Đăng K, sinh ngày 08/4/2017. Con đang sống cùng với bà T tại thành phố T. Ông H thỉnh thoảng có gửi tiền mua sữa cho con. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Hồng T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, ông Đỗ Nguyễn Đăng H không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết gởi Tòa án, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị Hồng T được ly hôn với ông Đỗ Nguyễn Đăng H. Về con chung, giao cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 08/4/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ông H không cấp dưỡng nuôi con; ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Đỗ Nguyễn Đăng H; ông H cư trú tại 35 L, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Đỗ Nguyễn Đăng H. Tại phiên tòa, ông H vắng mặt, không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng T và ông Đỗ Nguyễn Đăng H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H vào ngày 23/01/2017 *(Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/2017)* nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo bà T trình bày là do ông H ham chơi, dùng chất kích thích, không lo làm ăn. Từ đó ảnh hưởng lớn đến tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà T gởi đơn xin ly hôn. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải, nhưng ông H đều cố tình vắng mặt, thể hiện ông không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Hồng T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông H có 01 *(Một)* con chung tên Đỗ Đăng K, sinh ngày 08/4/2017. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà T đã được giải thích về quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng bà vẫn không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tại văn bản ngày 20/11/2023, cháu K có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Đỗ Đăng K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đỗ Nguyễn Đăng H không phải cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Hồng T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Hồng T chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Về Quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Hồng T được ly hôn ông Đỗ Nguyễn Đăng H.

2) Về con chung: có 01 *(Một)* con chung tên Đỗ Đăng K, sinh ngày 08/4/2017.

Giao cháu Đỗ Đăng K cho bà Lê Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Đỗ Nguyễn Đăng H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3) Án phí: Án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0007820 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Bà Lê Thị Hồng T đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Thị Hồng T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án *(25/4/2024)*. Ông Đỗ Nguyễn Đăng H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Thị Bích Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục THA DS thành phố Hội An;
- UBND phường Minh An, TP Hội An (Số: 01/2017, ngày 23/1/2017);
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.